

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÂM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17-19 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						354 682	198 012	156 670			
I		CẢNG CHÍNH						65 286	41 700	23 586			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>41 856</i>	<i>41 700</i>	<i>156</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/10	656/10	23/10	VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000	22 992	8	17/10	HỘ LỚN	
2		NHÓM LÂM ĐÔNG	15/10	2657/10		VIỆT THUẬN 11-06	CỤC 4A.2	4 300	4 294	6	17/10	HỘ LỚN	
3		NHÓM ĐẮK NÔNG	15/10	2658/10		VIỆT THUẬN 11-06	CÁM 5A.1	6 200	6 186	14	17/10	HỘ LỚN	
4		ĐẠM HÀ BẮC	16/10	661/10	26/10	QN 1043	CÁM 4A.1	2 400	2 377	23	17/10	HỘ LỚN	
5		XNK ANH KHOA	08/10	2508/10	15/10	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 230	1 222	8	16/10	TD	GIA HẠN L1
6		CP VĨNH THẮNG	14/10	2642/10	21/10	BN 0679	CỤC 5A.1	1 200	1 173	27	16/10	TD	
7		XNK ANH KHOA	14/10	2469/10	21/10	BN 2665	CÁM 4B.1	2 430	2 422	8	17/10	TD	
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	13/10	2519/10	20/10	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 096	1 033	63	18/10	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>1 200</i>		<i>1 200</i>			
1		TRƯỜNG ANH 888	13/10	2528/10	20/10	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>22 230</i>		<i>22 230</i>			
1		VT & KDT	14/10	2559/10	21/10	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
2		THAN MIỀN TRUNG	08/10	2587/10	15/10	VIỆT TRUNG 69	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2600/10	17/10	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	Thay TBRT 2474/9
4		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	13/10	2624/10	20/10	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
5		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2621/10	20/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	
6		THAN SÔNG HỒNG	13/10	2630/10	20/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
7		VẬN THỦY THỦY	16/10	2662/10	23/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
8		XNK ANH KHOA	16/10	2508/10	23/10	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 230		1 230		TD	GIA HẠN L2
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	17/10	2671/10	23/10	BN 3228	CÁM 4B.1	1 936		1 936		TD	Thay TBRT 2421/9
10		ĐTTM & DỊCH VỤ	17/10	2670/10	23/10	HD 1188	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	Thay TBRT 2435/9
11		XNK ANH KHOA	17/10	2669/10	23/10	HD 2359	CÁM 4B.1	2 500		2 500		TD	
12		XNK ANH KHOA	18/10	2680/10	25/10	BN 2911	CÁM 4A.1	1 591		1 591		TD	
13		XNK ANH KHOA	18/10	2679/10	25/10	BN 0828	CÁM 4A.1	1 650		1 650		TD	
14		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2676/10	25/10	HP 6131	CÁM 4A.1	1 800		1 800		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17-19 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2675/10	25/10	BN 1789	CÁM 4A.1	1 600		1 600		TD	
		Tàu chuyển tải						139 250	107 589	31 661			
		Tàu đã làm hàng						93 450	92 999	451			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	641/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500	46 269	231	17/10	HỘ LỚN	TTHG: 19.897,87 KVCP: 26.370,67
2		XNK THAN	07/10	640/10		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 5A.1	11 650	11 582	68	16/10	PTCB	TTHG: 23.523,33 Thay TBRT 632/10
							CÁM 5B.1	12 000	11 942	58			
3		KDT MIỀN BẮC	09/10	646/10		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.1	11 500	11 455	45	17/10	PTCB	TTHG : 23.206,83
							CÁM 5B.1	11 800	11 752	48			
		Tàu dự kiến rút trong ngày						45 800	14 590	31 210			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/10	652/10		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	14 590	8 210	BỐC ĐỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 2.800
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	15/10	659B/10		HẢI NAM 88	CÁM 5A.14	23 000		23 000		HỘ LỚN	KDTCP: 5.000 CLM: 18.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)											
II		KHO G9-HÓA CHẤT						45 041	22 276	22 765			
		Tàu đã làm hàng						22 617	20 101	2 516			
1		ĐẠM HÀ BẮC	16/10	662/10	26/10	2TB 115	CÁM 4A.1	2 390	2 336	54	18/10	HỘ LỚN	
2		KDT HÀ BẮC	14/10	2638/10	24/10	QN 8225	CÁM 7B	1 620	1 611	9	16/10	PTCB	NGUỒN CS
3		THÁI DƯƠNG STAR	12/10	2615/10	19/10	SG10252	CÁM 8A	2 676	2 645	31	16/10	TD	NGUỒN CS
4		DVVTQN	14/10	2654/10	21/10	QN 8259	CỤC XÔ 1B	1 500	1 494	6	17/10	TD	NGUỒN TN
5		HÀNG HẢI VIỆT NAM	16/10	2506B/9	23/10	HD 9189	CÁM 8A	2 300	2 278	22	17/10	TD	Thay TBRT 2506/9
6		XNK THAN	14/10	2283/10	21/10	BN 0757	CỤC XÔ 1B	1 100	1 096	4	18/10	TD	GIA HẠN L4
7		DVVTQN	17/10	2667/10	24/10	QN 6798	CÁM 8A	1 450	1 436	14	18/10	TD	NGUỒN CS
8		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 15	TNK-Mozambique	2 100	1 822	278	16/10		
9		MV ANDROS SPIRIT	12/10	5 286		CỬA ÔNG 18	TNK-Mozambique	2 100	618	1 482	16/10		
10		MV ANDROS SPIRIT	10/10	5 215		QNL-TĐ 05	TNK-Mozambique	5 381	4 765	616	17/10		
		Tàu dự kiến rút trong ngày						3 645	2 175	1 470			
1		KDT HÀ BẮC	17/10	2668/10	27/10	BN 1313	CÁM 7B	1 845	1 172	673	RÓT ĐỖ	PTCB	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17-19 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		THAN UÔNG BÍ	18/10	2684/10	25/10	BN 2776	CẨM 8A	1 800	1 003	797	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>18 779</i>		<i>18 779</i>			
1		KDT HÀ BẮC	16/10	2660/10	26/10	HP 6863	CẨM 7B	2 310		2 310		PTCB	
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/10	2471/9	17/10	BN 2646	CỤC ĐON 8C	1 030		1 030		TD	NGUỒN HL
3		TRƯỜNG ANH 888	11/10	2612/10	18/10	VTT89 (QN 8757)	CẨM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
4		THAN MIỀN NAM	14/10	2639/10	21/10	FLJ777	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
							CẨM 8A	1 400		1 400		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		CROMIT THANH HÓA	17/10	2666/10	24/10	HD 2266	CẨM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS
6		MV ANDROS SPIRIT	09/10	5201		CẨM PHẢ 20	TNK-Mozambique	3 900		3 900			
7		MV METEOR	16/10	5 323		V-TRACO 29	TNK-Mozambique	3 900		3 900			
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>11 188</u>	-	<u>11 188</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>11 188</i>		<i>11 188</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	12/10	651/10	22/10	HN 1809	CẨM 5B.10	3 500		3 500		HỘ LỎN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	665/10	27/10	TĐ 18-1	CẨM 5B.10	2 326		2 326		HỘ LỎN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	664/10	27/10	TĐ 45-3	CẨM 5B.10	3 572		3 572		HỘ LỎN	
4		ĐIỆN PHẢ LẠI	17/10	663/10	27/10	QN 5634	CẨM 5B.10	1 790		1 790		HỘ LỎN	
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>45 917</u>	<u>26 448</u>	<u>19 469</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>17 535</i>	<i>17 457</i>	<i>78</i>			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	13/10	2625/10	23/10	NGUYỄN DƯƠNG 668	CẨM 5B.1	4 400	4 390	10	17/10	PTCB	
2		KDT HÀ BẮC	17/10	2674/10	27/10	BN 2635	CẨM 6A.1	900	893	7	17/10	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	17/10	2665/10	27/10	HOẢNG ANH 268	CẨM 6A.1	3 750	3 738	12	18/10	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	14/10	2653/10	24/10	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585	2 578	7	16/10	PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	16/10	2659/10	26/10	BN 2329	CẨM 6A.1	1 500	1 494	6	16/10	PTCB	
6		SX & TM THAN UÔNG BÍ	13/10	2632/10	20/10	BN 2519	CỤC ĐON 8A	1 150	1 144	6	16/10	TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2498/9

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17-19 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
7		VẬN TẢI THỦY	14/10	2643/10	21/10	QN 7535	CỤC ĐƠN 8A	1 150	1 133	17	16/10	TD	NGUỒN QH
8		KHO VẬN ĐÁ BẠC	16/10	2661/10	26/10	CỬA ÔNG 18	CÁM 6A.1	2 100	2 088	12	17/10	CHUYỂN VÙNG	
Tàu dự kiến rót trong ngày								15 900	8 991	6 909			
1		NHÔM LÂM ĐÔNG	17/10	2672/10	27/10	HOÀNG ANH 888	CÁM 5A.1	2 600	1 712	888	RÓT DỖ	HỘP LỚN	
							CỤC 4A.2	2 200	1 048	1 152	RÓT DỖ	HỘP LỚN	
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	16/10	2663/10	26/10	MINH HĂNG 262	CÁM 5A.1	4 000	2 061	1 939	RÓT DỖ	PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	16/10	2664/10	26/10	HẢI VIỆT 88	CÁM 5B.1	4 800	3 070	1 730	RÓT DỖ	PTCB	
4		THÁI SƠN HP	13/10	2628/10	20/10	QN 8823	CỤC XỔ 1B	1 200	633	567	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2485/9
5		VT KDT VINACOMIN	16/10	2489/10	23/10	PT 2698	CỤC XỔ 1B	1 100	467	633	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH
Tàu đã làm lệnh								12 482		12 482			
1		KDT MIỀN BẮC	13/10	2631/10	23/10	HP 5806	CÁM 6B.1	5 064		5 064		PTCB	
2		KDT HÀ BẮC	18/10	2681/10	28/10	HD 1389	CÁM 6A.1	2 258		2 258		PTCB	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	18/10	2683/10	28/10	NAM KHÁNH 99	CÁM 5A.1	3 860		3 860		PTCB	
4		DVVTQN	17/10	2673/10	24/10	HD 2325	CÁM 8A	1 300		1 300		TD	
V	TÀU XUẤT KHẨU							35 000	-	35 000			
Tàu đã làm hàng													
Tàu dự kiến rót trong ngày													
Tàu đã làm lệnh								35 000		35 000			
1		SINGAPORE	16/10	7250		MV PRETTY MERAK	CỤC 5B.2	20 000		20 000			KVĐB: 20.000
2		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000		15 000			KVĐB: 15.000
VI	TÀU NHẬP KHẨU			ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				13 000	-	13 000			
Tàu đã làm hàng													
Tàu dự kiến rót trong ngày													
Tàu đã làm lệnh								13 000		13 000			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000

